

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ TÊH
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 9 - 2024
V/v “*Tranh chấp hợp
đồng dân sự về mua bán tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ TÊH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Hà

Bà Trịnh Thị Thủy

- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Dư Thị Kiều Uyên - Thư ký
Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Đạ Tẻh xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 8 năm
2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 25/QĐST-DS ngày 23/8/2024 và theo Quyết định
hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị D**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: **Tổ dân phố E, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. “*Có mặt*”.

* Bị đơn: Anh **Trương Đình K**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: **Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. “*Vắng mặt lần 2
không có lý do*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như
tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà **Đặng Thị D** trình bày:

Tháng 01 năm 2023 anh **K** có mua xi măng của chị giao tại công trình
huyện Đ. Cho đến ngày 18/8/2023 anh **K** còn nợ chị số tiền 53.545.000 đồng
(*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), chị đã đi đòi rất nhiều
lần anh **K** không chịu trả và có ký nhận hẹn với chị đến ngày 26/6/2024 sẽ trả
cho chị nhưng anh **K** vẫn không trả.

Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Trương Đình K** trả cho chị
số tiền 53.545.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn
đồng*).

Trong quá trình tố tụng Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh **Trương Đình K** nhưng anh **K** không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và bị đơn anh **K** đã được Tòa án triệu tập họp lệ vẫn cố tình vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp trong vụ án:

Xuất phát từ việc chị **Đặng Thị D** khởi kiện anh **Trương Đình K** về việc anh **K** có có mua xi măng của chị còn nợ tiền hàng nhưng đến hẹn không trả nên phát sinh tranh chấp. Bị đơn anh **Trương Đình K** có địa chỉ tại **Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Tẻh, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Bị đơn anh **Trương Đình K** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị **Đặng Thị D** đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là bản chính giấy hẹn trả nợ vào ngày 26/6/2024 và ký tên **Trương Đình K** trong đó nội dung thể hiện việc anh **K** có nợ của chị **D** số tiền 53.545.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án cũng như các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh **K** nhưng anh **K** không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị **D** cũng như không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc mình không nợ hoặc đã trả xong cho chị **D**. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh do một bên đương sự không có yêu cầu phản đối. Vì vậy việc chị **D** căn cứ vào giấy hẹn trả nợ vào ngày 26/6/2024 để khởi kiện anh **K** là hoàn toàn có cơ sở theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị **Đặng Thị D** buộc anh **Trương Đình K** có nghĩa vụ phải trả cho chị **Đặng Thị D** số tiền 53.545.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn chị **Đặng Thị D** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh **Trương Đình K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án là 1.338.625 đồng (*Một triệu ba trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các Điều 280, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Đặng Thị D** đối với bị đơn anh **Trương Đình K**.

Buộc bị đơn anh **Trương Đình K** phải có trách nhiệm trả cho chị **Đặng Thị D** số tiền số tiền 53.545.000 đồng (*Năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015”.

2. Về án phí: Bị đơn anh **Trương Đình K** phải có trách nhiệm nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.677.250 đồng (*Hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi đồng*). Hoàn trả lại số cho chị **Đặng Thị D** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.338.625 đồng (*Một triệu ba trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm hai mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0008034 ngày 05/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng.

3. Về nghĩa vụ Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện huyện Đạ Tẻh;
- Chi cục THADS huyện Đạ Tẻh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tiến Dũng

